TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/DS-PT
Ngày: 15-3-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 535/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Địa chỉ: Số A, đường N, Tổ A, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng K, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T1 trình bày:

Vào ngày 11/01/2021, bà Nguyễn Thị Diễm T có vay của bà Nguyễn Thị Mỹ P số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn trả tiền vay vào ngày 11/01/2022, lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, tức là mỗi tháng đóng lãi 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), để nhận số tiền vay, bên bà P yêu cầu bà T phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể bà Nguyễn Thị Diễm T phải chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Mỹ P phần đất thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, có diện tích 115,1 m^2, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trên phần đất có ngôi nhà có kết cấu: Móng cột pê tông cốt thép, tường xây gạch 10 cm, nền lót gạch bông, mái tole tráng kẻm, hoàn thiện sơn nước, xây dựng năm 2000, sửa chữa lại vào năm 2018. Đến ngày 27/01/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B căn cứ vào hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ P. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà T đã đóng lãi đến ngày 11/5/2021 thì mất khả năng đóng tiếp, số tiền bên bà T đã đóng lãi cho bà P là 05 tháng, với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Diễm T với bà Nguyễn Thị Mỹ P là hợp đồng giả tạo nhằm che đậy hợp đồng vay tài sản, chứ thực tế bên bà T không có thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà P.

Do đó, bà T yêu cầu:

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1 m^2, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B chứng thực số 18, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD ngày 11/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Diễm T với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ P đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Diễm T đồng ý hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ P số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), đồng thời chịu lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 11/01/2021 đến ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã đóng vượt 05 tháng, với lãi suất là 6%/tháng, với số tiền lãi là 150.000.000 đồng vào số tiền lãi mà bà T phải có nghĩa vụ đóng cho bà P.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 22.300.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng), nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T rút yêu cầu này, không yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Mỹ P phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền nêu trên.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:

Trong thời gian quen biết với bà Nguyễn Thị Diễm T, do yêu cầu của bà T nên bà P với bà T có thực hiện ký kết với nhau 02 hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất (Hợp đồng vay tài sản): Bên bà Nguyễn Thị Mỹ P cho bà T vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không nhớ ngày tháng năm ký kết hợp đồng, lãi suất là 5%/tháng. Sau khi ký kết hợp đồng, bên bà T nhận tiền vay và đóng lãi cho bà P 06 tháng, với số tiền lãi là 60.000.000 đồng. sau đó không đóng lãi nữa.

Hợp đồng thứ hai (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất): Do bà T lâm vào hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên có gặp bà P đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P đối với phần đất thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1 m^2 tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà P đồng ý, nên vào ngày 11/01/2021, bà T với bà P đến Ủy ban nhân dân thị trấn B, hai bên tự nguyện ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể bà T chuyển nhượng cho bà P phần đất thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, có diện tích là 115,1 m^2, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, đồng thời Ủy ban nhân dân thị trấn B chứng thực hợp đồng theo quy định. Đến ngày 27/01/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ P. Ngoài ra, hai bên còn bổ sung phụ lục hợp đồng với nội dung: Trong thời gian từ ngày 11/01/2021 (Ngày ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) đến ngày 11/01/2022, bên bà T được quyền yêu cầu bà P chuyển nhượng lại phần đất thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, khi bà T giao đủ số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho bà P. Đến thời hạn cuối cùng vào ngày

11/01/2022, bà T vẫn không có yêu cầu chuyển nhượng lại, lý do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T ký kết với bà P là đúng pháp luật, không bị giả tạo, nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoàn toàn tự nguyện và hợp đồng được chứng thực theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Mỹ P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T. Bà P đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lại cho bà Nguyễn Thị Diễm T đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10. Tuy nhiên, trong thời hạn hai tuần bên bà T phải thanh toán cho bà P 747.000.000 đồng theo biên bản hòa giải ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Tại Công văn số 2704/STNMT-VPĐK ngày 14/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày:

Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ P đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre là đúng với các nội dung: Về Quy định pháp Luật (Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014); Về Quy trình: Thực hiện theo thủ tục số 14 thuộc Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) và giấy tờ hợp pháp. Do đó, việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ P đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10 là đúng theo quy định.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 03 tháng 07 năm 2023 đã tuyên:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Mỹ P bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 22.300.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T đối với bị đơn Nguyễn Thị Mỹ P, cụ thể như sau:

2.1. Không chấp nhận về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1 m^2 tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre được ủy ban nhân dân thị trấn B chứng thực số 18, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD ngày 11/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Diễm T với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ P đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Nguyễn Thị Mỹ P hoàn trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T số tiền lãi đóng vượt là 40.080.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/7/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T là ông Huỳnh Minh T1 và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P thống nhất xác định có việc bà P cho bà T vay 500.000.000 đồng, sau đó đôi bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc trả số tiền vay trên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh tranh chấp, nay đôi bên thống nhất thoả thuận:

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1 m^2 tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân thị trấn B chứng thực số 18, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD ngày 11/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Diễm T với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Bà P đồng ý đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre từ tên bà Nguyễn Thị Mỹ P sang tên bà Nguyễn Thị Diễm T.

Bà T đồng ý trả cho bà P số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 11/01/2022 đến nay (ngày 15/3/2024) là 02 năm 02 tháng 04 ngày sau khi khấu trừ số tiền lãi 40.080.000 đồng mà bà P đã nhận của bà T.

Chi phí tố tụng và án phí trong vụ kiện mỗi bên đồng ý chịu 50% theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày

03 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo hướng công nhận nội dung thoả thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bên tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1m^2, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Thửa đất trên hiện do bà Nguyễn Thị Mỹ P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà T với bà Nguyễn Thị Mỹ P là hợp đồng giả tạo để che giấu hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Bà P căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/01/2021 vô hiệu, đề nghị Tòa án kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P. Bà T đồng ý trả cho bà P số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà P cho rằng việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là tự nguyện và đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T là ông Huỳnh Minh T1 và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P thống nhất thoả thuận:

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1 m^2 tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân thị trấn B chứng thực số 18, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD ngày 11/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Diễm T với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Đề nghị kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre từ tên bà Nguyễn Thị Mỹ P sang tên bà Nguyễn Thị Diễm T.

Bà T đồng ý trả cho bà P số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 11/01/2022 đến nay (ngày 15/3/2024) là 02 năm 02 tháng 04 ngày sau khi khấu trừ số tiền lãi 40.080.000 đồng mà bà P đã nhận của bà T. Cụ thể bà T đồng ý trả cho bà P tổng số tiền là 676.826.666 đồng.

Chi phí tố tụng: 5.456.000 đồng, mỗi bên có nghĩa vụ chịu 2.728.000 đồng. Do bà T đã tạm ứng toàn bộ số tiền chi phí tố tụng nên bà P có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền chi phí tố tụng là 2.728.000 đồng.

Án phí dân sự trong vụ kiện là 31.373.066 đồng mỗi bên đồng ý chịu 50% theo quy định pháp luật là 15.686.533 đồng (Trong đó: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng, mỗi bên có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng; Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 31.073.066 đồng, mỗi bên có nghĩa vụ nộp 15.536.533 đồng).

Xét thấy sự tự nguyện của đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, trên cơ sở đó sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 03 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 03 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ các Điều 217, 244, 246, 264, 267, 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 401, 402, 500, 501, 502, 503, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 188 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 22.300.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Công nhận sự thoả thuận của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P, cụ thể như sau:

2.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, diện tích 115,1 m^2 tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân thị trấn B chứng thực số 18, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD ngày 11/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Diễm T với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

2.2. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre từ tên bà Nguyễn Thị Mỹ P sang tên bà Nguyễn Thị Diễm T khi đương sự có yêu cầu.

2.3 Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ P tổng số tiền là 676.826.666 đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Chi phí tố tụng: 5.456.000 đồng (Năm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng), mỗi bên có nghĩa vụ chịu 2.728.000 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền chi phí tố tụng là 2.728.000 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Diễm T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.686.533 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Số tiền án phí bà Nguyễn Thị Diễm T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 858.000 đồng (T2 trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006059 ngày 06 tháng 4 năm 2022, 0004863 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, bà

Nguyễn Thị Diễm T còn phải nộp tiếp số tiền 14.828.533 đồng (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn năm trăm ba mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Mỹ P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.686.533 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007363 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn